

Chi tiết mã HS 9112.20.00

Mã HS	9112.20.00
Mô tả hàng hóa	Vỏ đồng hồ thời gian và vỏ của các loại tương tự dùng cho các mặt hàng khác của Chương này, và các bộ phận của chúng / - Vỏ
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 00:57:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/91122000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18352
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18352
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18352
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17681
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17610
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17610
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17610
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17610
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17610
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17610
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E17666
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17666

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17666
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17666
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17666
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17666
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	VJ!E17667
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F17667
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17667
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17667
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17667
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17667
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17672
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17628
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17624
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17624
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17624
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17624
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17624
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17624
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17670
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17670
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17670
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17670
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17670
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17670
VCFTA	2022	2022	4	VC!D17732
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17732

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17732
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17732
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17732
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17732
VN-EAEU	2022	2022	5,5	EAV!D17710
VN-EAEU	2023	2023	3,6	EAV!E17710
VN-EAEU	2024	2024	1,8	EAV!F17710
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17710
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17710
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17710
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D17703
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E17703
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F17703
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G17703
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H17703
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17703
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D17733
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E17733
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F17733
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17733
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17733
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17733
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D17732
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E17732
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F17732
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17732

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17732
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17732
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17826
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17826
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17826
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17826
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17826
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17826
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17826
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D17695
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E17695
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F17695
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G17695
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H17695
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I17695
RCEP B	2022	2022	18	B!D17695
RCEP B	2023	2023	16	B!E17695
RCEP B	2024	2024	14	B!F17695
RCEP B	2025	2025	12	B!G17695
RCEP B	2026	2026	10	B!H17695
RCEP B	2027	2027	8	B!I17695
RCEP C	2022	2022	18	C!D17693
RCEP C	2023	2023	16	C!E17693
RCEP C	2024	2024	14	C!F17693
RCEP C	2025	2025	12	C!G17693
RCEP C	2026	2026	10	C!H17693

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I17693
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D17692
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E17692
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F17692
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G17692
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H17692
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I17692
RCEP E	2022	2022	18	E!D17696
RCEP E	2023	2023	16	E!E17696
RCEP E	2024	2024	14	E!F17696
RCEP E	2025	2025	12	E!G17696
RCEP E	2026	2026	10	E!H17696
RCEP E	2027	2027	8	E!I17696
RCEP F	2022	2022	18	F!D17695
RCEP F	2023	2023	16	F!E17695
RCEP F	2024	2024	14	F!F17695
RCEP F	2025	2025	12	F!G17695
RCEP F	2026	2026	10	F!H17695
RCEP F	2027	2027	8	F!I17695
VIFTA	2024	2024	18	VI!F16585
VIFTA	2025	2025	16	VI!G16585
VIFTA	2026	2026	14	VI!H16585
VIFTA	2027	2027	12	VI!I16585

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9112.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9112.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18352), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.